

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 9 - 2025
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Trung Nghĩa.

Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 “về việc ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ong Thị Mỹ D, sinh ngày 16/8/1978 “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: khóm L, phường K, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Kim T, sinh ngày 24/6/1974 “vắng mặt”.

Địa chỉ: khóm L, phường K, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Ong Thị Mỹ D trình bày:

- Về hôn nhân: bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/1998 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay, nên bà Ong Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn với ông Kim T.

- Về con chung: trong thời gian chung sống bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T có 02 người con chung tên Kim Thị T1, sinh ngày 11/10/1998 và Kim Văn T2, sinh ngày 02/9/2004. Hiện nay cháu T1 và cháu T2 đã thành niên, nên bà Ong Thị Mỹ D không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: trong thời gian chung sống bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có tài sản chung, nên bà Ong Thị Mỹ D không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: trong thời gian chung sống bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có nợ chung, nên bà Ong Thị Mỹ D không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà Ong Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là ông Kim T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ), nên ông Kim T đã biết được yêu cầu khởi kiện của bà Ong Thị Mỹ D. Ông Kim T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Ong Thị Mỹ D.

Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông Kim T tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng ông Kim T vắng mặt không có lý do và ông Kim T cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2025 của nguyên đơn bà Ong Thị Mỹ D thì bà Ong Thị Mỹ D kiện ông Kim T là bị đơn cư trú tại khóm L, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là khóm L, phường K, thành phố Cần Thơ), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn bà Ong Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Kim T, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bà Ong Thị Mỹ D là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ong Thị Mỹ D.

[1.4] Ông Kim T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Kim T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ) theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024. Từ khi sống ly thân cho đến nay bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, bà Ong Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn; ông Kim T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Ong Thị Mỹ D.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Ong Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với ông Kim T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho bà Ong Thị Mỹ D được ly hôn với ông Kim T.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T có 02 người con chung tên Kim Thị T1, sinh ngày 11/10/1998 và Kim Văn T2, sinh ngày 02/9/2004. Hiện nay cháu T1 và cháu T2 đã thành niên, bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có tài sản chung, bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có nợ chung, bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà Ong Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà Ong Thị Mỹ D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001576 ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (khu vực 8), như vậy bà Ong Thị Mỹ D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Kim T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ong Thị Mỹ D.

1. Về hôn nhân: xử cho bà Ong Thị Mỹ D được ly hôn với ông Kim T.
2. Về con chung: trong thời gian chung sống bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T có 02 người con chung tên Kim Thị T1, sinh ngày 11/10/1998 và Kim Văn T2, sinh ngày 02/9/2004, bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: bà Ong Thị Mỹ D và ông Kim T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
5. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Ong Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà Ong Thị Mỹ D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001576 ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (khu vực 8), như vậy bà Ong Thị Mỹ D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Kim T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn bà Ong Thị Mỹ D và bị đơn ông Kim T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.
7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;

- UBND phường Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo

.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T3 Thảo

s

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T3